

Bản án số: **33/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2018

“Về việc ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm.
2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thúy V, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 23, đường V, khóm A, phường M, thành phố Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp K, xã Tân T, huyện Vĩnh T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thúy V trình bày: Vào ngày 23/12/2013 chị và anh Lê Văn Q tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có giấy chứng nhận kết hôn. Vợ, chồng chung sống đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng ý kiến về kinh tế. Nay chị V xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lâm Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 27/7/2014 hiện đang ở với chị từ khi vợ, chồng ly thân. Nay chị V xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V khai không có nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 03/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Quý trình bày: Thông nhất toàn bộ lời trình bày của chị V, anh và chị V tổ chức lễ cưới ngày 23/12/2013, không có giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ, chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến về kinh tế, đến tháng 9/2015 thì ly thân cho đến nay. Nếu chị V xin ly hôn anh Q đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lâm Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 27/7/2014 hiện đang ở với chị từ khi vợ, chồng ly thân. Nay thống nhất giao con cho chị V nuôi, anh Q không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q khai không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Chị Lâm Thúy V và anh Lê Văn Q sống với nhau như vợ chồng từ ngày 23/12/ 2013 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực ngày 01/01/2015 quy định “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Như vậy trường hợp của anh Q và chị V chung sống với nhau như vợ chồng trước thời điểm ngày 01/01/2015, do vậy sẽ áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Về Điều kiện kết hôn: Chị V và anh Q sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào ngày 23/12/2013. Tại thời điểm sống chung chị V chưa được 18 tuổi (16 tuổi 11 tháng), anh Q chưa được 20 tuổi (17 tuổi 1 tháng) là đã vi phạm về điều kiện kết hôn, theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “*Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:*

- 1. Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên;*
- 2. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;*
- 3. Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 10 của Luật này”.*

Anh, chị sống chung đến năm 2015 thì ly thân. Đến thời điểm ly thân anh Q chưa được 20 tuổi, chưa đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nay chị V yêu cầu ly hôn,

anh Q thống nhất ly hôn. Xét thấy anh Q và chị V có thời gian sống hạnh phúc, có con chung. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định thì “ *Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*”. Do đó HĐXX áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lâm Thúy V và anh Lê Văn Q.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lâm Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 27/7/2014 hiện đang ở với chị V từ khi vợ, chồng ly thân đến nay được chị V nuôi dạy tốt, cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị V không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Q có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Các bên khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002094 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 53, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Thúy V và anh Lê Văn Q.

2- Về con chung: Giao cháu Lâm Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 27/7/2014 cho chị V trực tiếp nuôi dạy (Cháu N hiện đang sống chung với chị V).

Anh Q có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

3- Về án phí: Chị Lâm Thúy V là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002094 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ